

# XÂY DỰNG THANG ĐO ĐÁNH GIÁ HÀNH VI BẠO LỰC ĐỐI VỚI TRẺ EM CỦA GIÁO VIÊN TRONG NHÀ TRƯỜNG MẦM NON

■ **Trịnh Viết Then**

## TÓM TẮT

*Bài viết này trình bày về việc xây dựng thang đo đánh giá hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên trong nhà trường mầm non. Thang đo được xây dựng dựa trên cơ sở phân tích tài liệu về bạo lực đối với trẻ em và các thang đo, trải nghiệm về bạo lực trẻ em của các tác giả trong và ngoài nước, dựa vào thăm dò ý kiến của 118 giáo viên đang giảng dạy tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, và ý kiến của các chuyên gia tâm lý. Kết quả, chúng tôi đã xây dựng được thang đo đánh giá hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên mầm non bao gồm 19 câu với 3 nhân tố, có độ tin cậy cao. Khuyến nghị về việc sử dụng thang đo này và đề xuất cho các hướng nghiên cứu tiếp theo trong tương lai về hành vi bạo lực đối với trẻ em trong nhà trường mầm non.*

*Từ khóa: Thang đo, xây dựng thang đo, bạo lực, bạo lực đối với trẻ em, mầm non.*

## ABSTRACT

*This paper presents the development assessment scale acts of violence against children by teachers in the preschool. Scale is based on the analysis of literature on violence against children and the scale, test of violent children's authors and abroad, based on the survey of 118 teachers Who is teaching at the preschool in the city of Ho Chi Minh, and the opinion of the psychiatrist. As a result, we have built scale evaluation violence against children of preschool teachers included 19 questions with three factors, with high reliability. Recommendations on the use of this scale and suggestions for further research directions in future acts of violence against children in the preschool.*

*Keywords: scale, building scale, violence, violence against children, preschool.*

### 1. Đặt vấn đề

Đã có rất nhiều diễn đàn, các cuộc khảo sát, các công trình nghiên cứu về tình trạng bạo lực học đường trên thế giới, trong khu vực châu Á cũng như ở Việt Nam. Con số học sinh hiện nay được nhắc đến nhiều nhất ước tính là có khoảng 350 triệu học sinh đang phải đối mặt với nạn bạo lực tại trường học mỗi năm (theo một báo cáo của Tổ chức cứu trợ trẻ em) [3]. Điều này dẫn đến tác động tiêu cực tới quá trình hình thành và

phát triển nhân cách cho trẻ.

Trong thời gian gần đây, môi trường học đường ở một số nơi đã bị “ô nhiễm” bởi các tệ nạn xã hội, bởi tình trạng bạo lực đối với trẻ em, nhiều trường hợp bạo lực, bạo hành đối với trẻ em xuất hiện trong nhà trường mầm non với nhiều hình thức và mức độ biểu hiện khác nhau, gây bức xúc cho toàn xã hội. Muốn giải quyết được vấn đề, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu để tìm ra nguyên nhân, phân tích thực trạng nhằm

\* CN, Trường ĐH Văn Hiến

đề xuất những biện pháp giải quyết. Hiện nay, các công trình nghiên cứu về bạo lực đối với trẻ em tại các trường mầm non còn khá khiêm tốn, đặc biệt những công cụ, thang đo nhằm đánh giá thực trạng hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên trong hoạt động nghề nghiệp tại các trường mầm non còn chưa được nghiên cứu, chuẩn hóa tại Việt Nam. Xuất phát từ tình hình thực tiễn trên, trong bài viết này, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng, bước đầu chúng tôi tiến hành “xây dựng thang đo đánh giá hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên trong nhà trường mầm non”.

### 1.1. Khái niệm bạo lực đối với trẻ em

Bạo lực xảy ra dưới nhiều hình thức như: hành hạ, đánh đập người khác, chửi bới, quấy rối, lạm dụng tình dục... làm tổn thương đến cơ thể, tình cảm, tâm lý, sự tiến bộ của con người. Lâu nay, khái niệm bạo lực vẫn thường được hiểu theo nghĩa hẹp của ngành Chính trị học. Với cách hiểu như vậy, bạo lực vẫn được hiểu với tính chất của một phương thức vận động chính trị, được sử dụng để giành chính quyền, duy trì và sử dụng quyền lực nhà nước. Theo từ điển Tiếng Việt 1998 thì: “Bạo lực là sức mạnh dùng để trấn áp, chống lại lực lượng đối lập, lật đổ chính quyền”. Có thể nói bạo lực là một hiện tượng xã hội. Nó là một phương thức hành xử trong các mối quan hệ giữa con người với con người và tồn tại rất lâu trong lịch sử. Với bản chất là sử dụng sức mạnh trong các mối quan hệ xã hội, bạo lực có thể là những hình thức chém giết, đánh đập, gây đau rơi máu chảy, nhưng cũng có thể là cưỡng bức, trấn áp, đe dọa về mặt tâm lý, tinh thần gây hoang mang, lo sợ cho nạn nhân [10].

Trên thế giới, bạo lực trẻ em là một cụm từ xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng và được sử dụng chính thức trong các văn bản quốc tế về quyền Trẻ em. Tại điều 19 (Công ước quốc tế về quyền Trẻ em năm 1989) đưa ra quan điểm: “bạo lực trẻ em đó là mọi hình thức bạo lực về thể xác và tinh thần, gây tổn thương hay xúc phạm, bỏ mặc hoặc sao nhãng trong việc chăm sóc, ngược đãi hoặc bóc lột, kể cả về xâm hại tình dục”. Đồng thời phân chia các

hành vi bạo lực đối với trẻ thành 4 loại: bạo lực về thể chất; chênh mảng trầm trọng trong chăm sóc; bạo lực tâm lý; hành hạ tình dục.

Ở nước ta hiện nay, vẫn chưa có một quan điểm thống nhất về khái niệm bạo lực trẻ em cũng như chưa có cơ quan, tổ chức nào đưa ra ý kiến chính thức về vấn đề này. Việc nhận diện bạo lực trẻ em chủ yếu dựa trên cơ sở quan điểm quốc tế và sự so sánh, đối chiếu với các chuẩn mực xã hội. Bạo lực trẻ em được hiểu là những hành vi – vi phạm chuẩn mực đạo đức trái với luân thường đạo lý và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, ở mức độ cao hơn có thể cấu thành các tội bức tử, giết người, cố ý gây thương tích, làm nhục người khác... Bạo lực trẻ em cũng có thể được hiểu là những hành vi xâm hại một cách thô bạo tới thân thể, đời sống tâm lý trẻ em thông qua các hình thức biểu hiện cụ thể như: đánh đập, ngược đãi, hành hạ, lạm dụng, bóc lột, si nhục...

Từ những phân tích về đặc điểm trẻ em và những lý luận nêu trên có thể hiểu một cách khái quát về khái niệm bạo lực đối với trẻ em như sau: “Bạo lực đối với trẻ em là những hành vi trực tiếp xâm hại hoặc đe dọa đến sự phát triển bình thường về thể chất, tâm lý của trẻ em, từ đó gây ra những hậu quả xấu cho trẻ em, gia đình và xã hội”.

### 1.2. Bạo lực đối với trẻ em trong nhà trường mầm non

Ở Việt Nam, nhà trường mầm non nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi [1]. Hoạt động lao động của giáo viên tại các trường mầm non có những đặc thù riêng về đối tượng, nội dung, thời gian giảng dạy và các đặc điểm khác nảy sinh trở thành những vấn đề, tác nhân/ sự kiện tác động đến giáo viên khiến giáo viên có những hành vi bạo lực đối với trẻ em. Khi xảy ra những hành vi bạo lực đối với trẻ em trong nhà trường mầm non, thông thường trẻ em là đối tượng bị động chịu sự tác động của các hành vi bạo lực, còn chủ thể tiến hành hành vi bạo lực là những giáo viên, bảo mẫu, người quản lý, nhân viên và cả những hành vi bạo lực giữa các trẻ em với nhau. Trong giới hạn nghiên cứu đề tài này, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên

mầm non, bởi giáo viên là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và trực tiếp chịu trách nhiệm trong mọi hoạt động có liên quan đến trẻ tại lớp, tại trường. Theo cách hiểu trên, chúng tôi xem bạo lực đối với trẻ em của giáo viên trong nhà trường mầm non là những hành vi trực tiếp hay gián tiếp xâm hại hoặc đe dọa đến sự phát triển về thể chất, tâm lý của trẻ em, gây ra những hậu quả xấu cho trẻ, nảy sinh do sự tác động của các vấn đề đến giáo viên và vượt quá khả năng ứng xử bình thường của giáo viên trong hoạt động nghề nghiệp

Một số điểm chúng ta cần lưu ý khi đề cập đến khái niệm bạo lực đối với trẻ em trong nhà trường mầm non, đó chính là do đặc thù hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống, có rất nhiều vấn đề tác động đến GVMN, tuy nhiên không phải bất kỳ vấn đề nào tác động đến giáo viên cũng đều xảy ra hành vi bạo lực đối với trẻ em. Tùy thuộc vào cách nhìn nhận, đánh giá cá nhân đối với những vấn đề (nguyên nhân) cùng với một số yếu tố khác tác động đến giáo viên làm nảy sinh những hành vi bạo lực đối với trẻ em là khác nhau ở mỗi GVMN. Khi nghiên cứu về hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên trong nhà trường mầm non, chúng ta cần chú ý làm rõ các vấn đề: các vấn đề (nguyên nhân) dẫn đến bạo lực đối với trẻ em của giáo viên; mức độ bạo lực đối với trẻ em của giáo viên mầm non; những hình thức bạo lực đối với trẻ em của giáo viên mầm non; cách ứng xử của giáo viên khi xảy ra bạo lực đối với trẻ em; hậu quả của hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên.

## 2. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Để xây dựng thang đo đánh giá hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên tại các trường mầm non, chúng tôi dựa trên cơ sở từ 3 nguồn tư liệu:

Nguồn thứ nhất, tham khảo một số trắc nghiệm và bảng hỏi đã được ứng dụng trong các nghiên cứu tâm lý học ở Việt Nam và ở nước ngoài về việc đánh giá bạo lực nói chung, bạo lực đối với trẻ em của giáo viên mầm non. Nguồn thứ hai là ý kiến của các chuyên gia về các nội dung chủ yếu của từng vấn đề nghiên cứu hành vi bạo lực đối với trẻ em,... Ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu là những định hướng chính cho việc xây dựng nội dung bảng hỏi. Nguồn thứ ba là khảo sát thăm dò 100 giáo viên mầm non giảng dạy tại các trường các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh về các vấn đề liên quan đến bạo lực đối với trẻ em của giáo viên tại các trường mầm non với những câu hỏi mở. Các câu trả lời của giáo viên được sử dụng vào thiết kế thang đo nghiên cứu về hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên mầm non.

Tổng hợp tư liệu từ 3 nguồn trên, thang đo đánh giá hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên trong nhà trường mầm non được xây dựng bao gồm 25 câu (bảng 1 ở dưới), để kiểm nghiệm tính hiệu lực và độ tin cậy của thang đo, chúng tôi tiến hành điều tra trên mẫu 118 giáo viên giảng dạy tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh:

**Bảng 1. Phân bổ giáo viên theo loại hình trường mầm non và phụ trách lớp học theo lứa tuổi của trẻ**

| Loại hình trường | Giáo viên phụ trách lớp học theo độ tuổi của trẻ |                      |                      |             |              |              | Tổng |
|------------------|--------------------------------------------------|----------------------|----------------------|-------------|--------------|--------------|------|
|                  | Dưới 19 tháng tuổi                               | 19 đến 24 tháng tuổi | 25 đến 35 tháng tuổi | Mẫu giáo bé | Mẫu giáo nhỡ | Mẫu giáo lớn |      |
| Công lập         | 0                                                | 2                    | 6                    | 16          | 14           | 12           | 50   |
| Ngoài công lập   | 2                                                | 14                   | 10                   | 17          | 14           | 11           | 68   |
| Tổng             | 2                                                | 16                   | 16                   | 33          | 28           | 23           | 118  |

Phiếu điều tra được phát ra cho 200 giáo viên các trường mầm non công lập và ngoài công lập (tư thực, dân lập), thu về 118 phiếu hợp lệ. Số giáo viên trường công lập tham gia nghiên cứu là 50 (42,4%), ngoài công lập (57,6%). Như vậy số lượng giáo viên trường công lập và ngoài công lập tham gia nghiên cứu tương đối đồng đều.

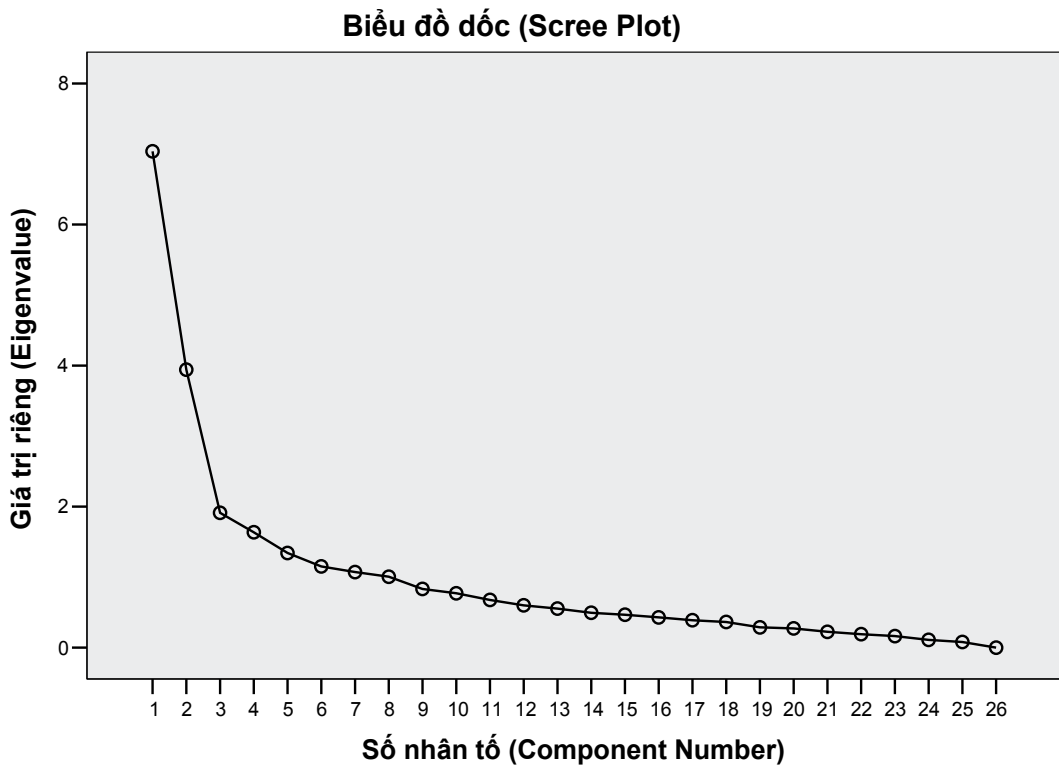
Thang đo được thiết kế theo bảng bắt đầu bằng câu hỏi “Xin thầy cô hãy cho biết, thầy cô thấy mình có hay không có những hành vi nào dưới đây đối với trẻ trong lớp mình phụ trách? Hãy khoanh tròn vào các ô số tương ứng đúng với những hành vi của thầy cô khi đó.” Thang đo này được thiết kế nhằm tìm hiểu trường độ biểu hiện của các loại hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên xảy ra trong hoạt động nghề nghiệp trong nhà trường mầm non. Mỗi hành vi bạo lực (item) được đánh giá dưới góc độ tần suất xuất hiện, có 5 phương án để khách thể lựa chọn, với kết quả định tính được chuyển qua định lượng như sau: 0 = không bao giờ; 1 =

hiếm khi; 2 = đôi khi; 3 = thường xuyên; 4 = rất thường xuyên. Điểm trung bình tần suất của mỗi hành vi bạo lực càng cao thì chứng tỏ GVMN có sử dụng hành vi bạo lực đó đối với trẻ. Số liệu được nhập lại, kiểm tra và sửa chữa những chỗ sai sót bằng phần mềm SPSS phiên bản 13.0 dành cho hệ điều hành Windows.

### 3. Kết quả nghiên cứu

Mọi thao tác thống kê được thực hiện trên phần mềm thống kê SPSS. Nhằm mục tiêu xây dựng bảng hỏi nêu trên chúng tôi sử dụng chủ yếu là chiến lược phân tích nhân tố, cụ thể là Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis), và tính độ tin cậy bên trong theo chỉ số Cronbach alpha. Để lựa chọn ra số nhân tố tối ưu và lựa chọn câu nào thuộc về nhân tố nào, sự kết hợp các yếu tố sau được áp dụng: giá trị riêng (Eigenvalue), được biểu thị qua biểu đồ dốc (Scree – plot), hệ số tải (Item – Factor loading) sự phù hợp của nội dung câu với nhân tố, và số lượng câu trong mỗi nhân tố.

**Biểu đồ 1. Biểu đồ dốc của giá trị riêng và số nhân tố**



Khi phân tích nhân tố, chúng tôi chọn phương pháp Principal component (phân tích rút nhân tố chính), chọn chế độ xoay Varimax, có 8 hệ số giá trị riêng  $> 1,0$  (xem biểu đồ 1). Do vậy, số nhân tố tối đa có thể phân tích là 8. Chúng tôi thực hiện lần lượt phân tích nhân tố với 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2 nhân tố. Khi cân nhắc giữa nội dung câu tải và nhân tố, số lượng câu, hệ số tải, chúng tôi thấy 3 nhân tố là hợp lý nhất.

Đồng thời việc thực hiện phân tích nhân tố và

lựa chọn nhân tố, việc loại bỏ một số câu không đi vào nhân tố nào hoặc có tải vào nhân tố nào đó nhưng lại không phù hợp về nội dung cũng được thực hiện. Cụ thể chúng tôi có 25 câu trong bảng hỏi về hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên (xem bảng 2), trong đó có 6 câu không tải vào cùng một nhân tố có liên quan, hoặc độ tải của nhân tố không tập trung vào một nhân tố có liên quan, vì vậy 6 câu này được loại bỏ, còn lại 19 câu trong phân tích cuối cùng.

**Bảng 2. Bảng ma trận xu hướng câu - nhân tố**

| Câu hỏi                                                                                                           | Nhân tố |         |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|---------|
|                                                                                                                   | 1       | 2       | 3       |
| Cô lập trẻ, không được chơi trong nhóm bạn khi trẻ mắc lỗi                                                        | 0,155   | 0,685   | 0,098   |
| La mắng, hù dọa, chửi bới (nói tục) trẻ                                                                           | 0,247   | 0,681   | 0,125   |
| Bắt trẻ ăn quá nhanh khiến trẻ ói mửa, khóc lóc                                                                   | 0,199   | 0,672   | 0,190   |
| Dùng những hình phạt như bắt đứng góc lớp, không cho đồ chơi, bắt trực vệ sinh lớp... đối với trẻ khi trẻ mắc lỗi | - 0,029 | 0,661   | 0,091   |
| Có những hành động như tát, bẹo, tét vào tay, chân, mông đít, người mỗi khi trẻ mắc lỗi                           | - 0,075 | 0,628   | 0,226   |
| Bỏ mặc trẻ khóc lóc trong lớp không quan tâm                                                                      | 0,083   | 0,553   | 0,245   |
| Để trẻ bị cán bộ trong trường (bảo vệ, lao công, nhân viên, quản lý...) đe dọa, chửi bới (nói tục), la mắng       | 0,343   | 0,473   | - 0,072 |
| Để trẻ bị bạn đánh, đập, tát, đấm, đá, giựt tóc, cào cấu, cắn... khi chơi                                         | - 0,082 | 0,462   | 0,432   |
| Để trẻ bị bạn xúi giục đánh nhau trong lớp                                                                        | 0,109   | 0,008   | 0,803   |
| Để trẻ bị bạn thực hiện hành động bất ngờ làm té ngã: xô, đẩy...trong trường, lớp học                             | 0,010   | 0,316   | 0,684   |
| Để trẻ bị nhóm bạn chọc ghẹo, đánh đập trong lớp, trong trường                                                    | 0,221   | 0,134   | 0,669   |
| Để trẻ bị bạn ném đồ chơi gây tổn thương                                                                          | - 0,064 | 0,210   | 0,648   |
| Trẻ tự té ngã, va đập gây tổn thương trong khi hoạt động tại trường                                               | - 0,116 | 0,363   | 0,561   |
| Để trẻ bị bạn gọi tên cha mẹ để chửi rửa, bêu xấu gia đình hoặc có tình kiểm chuyện với trẻ                       | 0,313   | - 0,090 | 0,551   |

|                                                                                           |         |       |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|---------|
| Đề trẻ bị bạn cô lập không cho chơi chung                                                 | 0,187   | 0,428 | 0,513   |
| Đề trẻ bị phụ huynh chửi bới (nói tục), la mắng khi đến trường                            | - 0,020 | 0,183 | 0,341   |
| Đề trẻ bị phụ huynh trẻ khác đánh đập, hành hạ trong trường                               | 0,943   | 0,071 | 0,026   |
| Đề trẻ bị người ngoài trường đánh đập, hành hạ trong trường                               | 0,943   | 0,071 | 0,026   |
| Đề trẻ bị cán bộ trong trường (bảo vệ, lao công, nhân viên, quản lý...) đánh đập, hành hạ | 0,859   | 0,043 | 0,074   |
| Đề trẻ bị người ngoài trường đe dọa, chửi bới (nói tục), la mắng trong trường             | 0,824   | 0,143 | 0,086   |
| Dùng những vật sắc nhọn như kim khâu, đinh, kéo... để hành hạ trẻ                         | 0,744   | 0,036 | - 0,069 |
| Bắt trẻ ăn lại thức ăn trẻ nôn mửa (ói) ra khi cho trẻ ăn                                 | 0,606   | 0,179 | - 0,047 |
| Đụng chạm hoặc sờ mó chỗ nhạy cảm trên cơ thể trẻ                                         | 0,561   | 0,001 | 0,260   |
| Đề trẻ bị phụ huynh đánh đập, hành hạ khi đến trường                                      | 0,519   | 0,329 | 0,187   |
| Đề trẻ bị phụ huynh trẻ khác đe dọa, chửi bới (nói tục), la mắng trong trường             | 0,488   | 0,000 | 0,425   |

Sau đó, hệ số tin cậy bên trong Cronbach alpha được tính cho từng nhân tố và cho toàn bộ thang đo. Cuối cùng, chúng tôi tính điểm trung bình của từng nhân tố theo khối lớp giáo viên phụ trách, loại hình trường mầm non và phân tích phương sai (ANOVA) để so sánh giữa các khối lớp giáo viên phụ trách và loại hình trường mầm non.

**Bảng 3. Nhân tố, số câu, hệ số tin cậy, điểm trung bình và độ lệch chuẩn**

| Tên nhân tố                                          | Số câu | Câu hỏi                                                                                                           | Hệ số tin cậy Cronbach alpha | Điểm trung bình | Độ lệch chuẩn |
|------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------|---------------|
| Bạo lực đối với trẻ trực tiếp do giáo viên tiến hành | 6      | Cô lập trẻ, không được chơi trong nhóm bạn khi trẻ mắc lỗi                                                        | 0,779                        | 3,14            | 2,974         |
|                                                      |        | La mắng, hù dọa, chửi bới (nói tục) trẻ                                                                           |                              |                 |               |
|                                                      |        | Bắt trẻ ăn quá nhanh khiến trẻ ói mửa, khóc lóc                                                                   |                              |                 |               |
|                                                      |        | Dùng những hình phạt như bắt đứng góc lớp, không cho đồ chơi, bắt trực vệ sinh lớp... đối với trẻ khi trẻ mắc lỗi |                              |                 |               |
|                                                      |        | Bỏ mặc trẻ khóc lóc trong lớp không quan tâm                                                                      |                              |                 |               |
|                                                      |        | Có những hành động như tát, bẹo, tát vào tay, chân, mông đít, người mỗi khi trẻ mắc lỗi                           |                              |                 |               |

|                                                                |   |                                                                                             |       |      |       |
|----------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------|-------|
| Bạo lực gián tiếp đối với trẻ do trẻ gây ra cho trẻ            | 7 | Đề trẻ bị bạn ném đồ chơi gây tổn thương                                                    | 0,814 | 4,11 | 3,156 |
|                                                                |   | Đề trẻ bị nhóm bạn chọc ghẹo, đánh đập trong lớp, trong trường                              |       |      |       |
|                                                                |   | Trẻ tự té ngã, va đập gây tổn thương trong khi hoạt động tại trường                         |       |      |       |
|                                                                |   | Đề trẻ bị bạn cô lập không cho chơi chung                                                   |       |      |       |
|                                                                |   | Đề trẻ bị bạn gọi tên cha mẹ để chửi rủa, bêu xấu gia đình hoặc cố tình kiểm chuyện với trẻ |       |      |       |
|                                                                |   | Đề trẻ bị bạn thực hiện hành động bất ngờ làm té ngã: xô, đẩy...trong trường, lớp học       |       |      |       |
|                                                                |   | Đề trẻ bị bạn xúi giục đánh nhau trong lớp                                                  |       |      |       |
| Bạo lực gián tiếp đối với trẻ do lực lượng khác gây ra cho trẻ | 6 | Đề trẻ bị cán bộ trong trường (bảo vệ, lao công, nhân viên, quản lý...) đánh đập, hành hạ   | 0,754 | 0,34 | 1,123 |
|                                                                |   | Đề trẻ bị phụ huynh đánh đập, hành hạ khi đến trường                                        |       |      |       |
|                                                                |   | Đề trẻ bị phụ huynh trẻ khác đe dọa, chửi bới (nói tục), la mắng trong trường               |       |      |       |
|                                                                |   | Đề trẻ bị phụ huynh trẻ khác đánh đập, hành hạ trong trường                                 |       |      |       |
|                                                                |   | Đề trẻ bị người ngoài trường đe dọa, chửi bới (nói tục), la mắng trong trường               |       |      |       |
|                                                                |   | Đề trẻ bị người ngoài trường đánh đập, hành hạ trong trường                                 |       |      |       |
| Độ tin cậy toàn thang đo                                       |   |                                                                                             | 0,850 |      |       |

Theo số liệu thống kê bảng 3, điểm trung bình của bạo lực gián tiếp đối với trẻ do trẻ gây ra cho trẻ là cao nhất ( $M = 4,11$ ), nhân tố bạo lực đối với trẻ trực tiếp do giáo viên gây ra có điểm trung bình ( $M = 3,14$ ) thấp hơn nhân tố bạo lực gián tiếp đối với trẻ do trẻ gây ra cho trẻ, nhưng điểm trung bình của hai nhân tố này lại rất sát nhau, điều này nói lên rằng các hành vi bạo lực đối với trẻ chủ yếu diễn ra trực tiếp hoặc gián

tiếp do giáo viên và trẻ gây ra trong hoạt động nghề nghiệp tại trường mầm non. Nhân tố bạo lực gián tiếp đối với trẻ do lực lượng khác gây ra có điểm trung bình thấp nhất ( $M = 0,34$ ) trong ba nhân tố

Toàn bộ thang đo có độ tin cậy bên trong theo hệ số Cronbach alpha ở mức cao (0,850), hệ số tin cậy của các nhân tố trong thang đo cũng ở mức độ tin cậy cao, nhân tố Bạo lực gián

tiếp đối với trẻ do trẻ gây ra cho trẻ có hệ số tin cậy cao nhất (0,814) , tiếp theo là nhân tố Bạo lực đối với trẻ trực tiếp do giáo viên tiến hành (0,779), nhân tố Bạo lực gián tiếp đối với trẻ do lực lượng khác gây ra cho trẻ có hệ số tin cậy thấp nhất (0,754).

**Bảng 4. Tương quan giữa các nhân tố**

| Nhân tố (Hình thức bạo lực) |                                                                | (1)       | (1)       | (3) |
|-----------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----|
| (1)                         | Bạo lực đối với trẻ trực tiếp do giáo viên tiến hành           | 1         |           |     |
| (2)                         | Bạo lực gián tiếp đối với trẻ do trẻ gây ra cho trẻ            | 0,485(**) | 1         |     |
| (3)                         | Bạo lực gián tiếp đối với trẻ do lực lượng khác gây ra cho trẻ | 0,324(**) | 0,338(**) | 1   |

Ghi chú: \*\* tương quan có ý nghĩa thống kê ở mức 0.01 (2 đuôi).

Đa số các nhân tố có tương quan với nhau ở mức độ trung bình (bảng 4). Tương quan giữa nhân tố bạo lực đối với trẻ trực tiếp do giáo viên tiến hành và nhân tố bạo lực gián tiếp đối với trẻ do trẻ gây ra là cao nhất, ở mức cao ( $r = 0,485$ ).

**Bảng 5. Điểm trung bình (phía trên) và độ lệch chuẩn (phía dưới) các nhân tố theo loại hình trường mầm non**

| Hình thức bạo lực                                              | Loại hình trường mầm non |                   | F      | P     |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------|--------|-------|
|                                                                | Công lập                 | Ngoài công lập    |        |       |
| Bạo lực đối với trẻ trực tiếp do giáo viên tiến hành           | 0,3900<br>0,41186        | 0,6225<br>0,53067 | 6,650  | 0,011 |
| Bạo lực gián tiếp đối với trẻ do trẻ gây ra cho trẻ            | 0,4114<br>0,32351        | 0,7164<br>0,48836 | 14,726 | 0,000 |
| Bạo lực gián tiếp đối với trẻ do lực lượng khác gây ra cho trẻ | 0,0267<br>0,08492        | 0,0882<br>0,23300 | 3,175  | 0,077 |

Ghi chú: Hệ số F và chỉ số p khi so sánh bằng ANOVA điểm trung bình các nhân tố (hình thức bạo lực) theo các khối lớp trẻ.

Từ số liệu thống kê (bảng 5) có thể thấy có sự khác biệt điểm trung bình của các hình thức bạo lực trực tiếp đối với trẻ do giáo viên tiến hành.. nhân tố bạo lực gián tiếp đối với trẻ do trẻ gây ra cho trẻ và hình thức bạo lực gián tiếp đối với trẻ do lực lượng khác gây ra cho trẻ. Điểm trung bình của các hành vi bạo lực đối với trẻ ở trường công lập thấp hơn so với trường ngoài công lập ở tất cả các hình thức bạo lực.

**Bảng 6. Điểm trung bình (phía trên) và độ lệch chuẩn (phía dưới in nghiêng) các nhân tố theo khối lớp giáo viên phụ trách**

| Hình thức bạo lực                                              | Khối lớp theo độ tuổi của trẻ |                   |                  |                  |                  |                  | F     | P     |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|-------|-------|
|                                                                | Dưới 19 tháng                 | 19 – 24 tháng     | 25 – 35 tháng    | Mẫu giáo bé      | Mẫu giáo nhỡ     | Mẫu giáo lớn     |       |       |
| Bạo lực đối với trẻ trực tiếp do giáo viên tiến hành           | 0,3333<br>0,47140             | 0,9896<br>0,6069  | 0,5833<br>0,5409 | 0,5152<br>0,4684 | 0,3929<br>0,3606 | 0,3478<br>0,3857 | 4,486 | 0,001 |
| Bạo lực gián tiếp đối với trẻ do trẻ gây ra cho trẻ            | 0,5000<br>0,3031              | 0,8036<br>0,4169  | 0,6875<br>0,5351 | 0,5238<br>0,4175 | 0,4949<br>0,4458 | 0,5776<br>0,4548 | 1,293 | 0,272 |
| Bạo lực gián tiếp đối với trẻ do lực lượng khác gây ra cho trẻ | 0,0000<br>0,00000             | 0,0938<br>0,14868 | 0,1354<br>0,4182 | 0,0404<br>0,1023 | 0,0536<br>0,1365 | 0,0362<br>0,0864 | 0,808 | 0,546 |

*Ghi chú: Hệ số F và chỉ số p khi so sánh bằng ANOVA điểm trung bình các nhân tố (hình thức bạo lực) theo các khối lớp trẻ.*

Có sự khác biệt điểm trung bình của các hình thức bạo lực trực tiếp đối với trẻ do giáo viên tiến hành. Điểm trung bình của các hành vi bạo lực đối với trẻ do giáo viên tiến hành ở những khối lớp trẻ có độ tuổi nhỏ cao hơn so với khối lớp trẻ có độ tuổi lớn. Hình thức bạo lực gián tiếp đối với trẻ do trẻ gây ra cho trẻ và Hành vi bạo lực gián tiếp đối với trẻ do lực lượng khác gây ra cho trẻ Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các khối lớp theo độ tuổi của trẻ.

#### 4. Kết luận

Qua nghiên cứu lý luận và thực trạng, bước đầu chúng tôi đã xây dựng được thang đo đánh giá hành vi bạo lực đối với trẻ em của giáo viên mầm non có độ tin cậy và tính hiệu lực cao có thể dùng trong nghiên cứu và trong lâm sàng, để phát hiện ra những vấn đề bạo lực đối với trẻ trong nhà trường mầm non. Hạn chế của nghiên cứu này là chưa đưa ra được một chỉ số phân loại giữa việc trẻ bị bạo lực và không bị bạo lực, hoặc phân ra hành vi bạo lực đối với trẻ đâu là nhẹ, trung bình, nặng. Khi sử dụng thang đo này, chúng tôi đề xuất nhà nghiên cứu vẫn nên sử dụng những câu có độ tải cao (đã bị

loại bỏ khi phân tích nhân tố trong nghiên cứu này) nhằm hoàn chỉnh nội dung những đánh giá những hành vi bạo lực đối với trẻ. Thang đo này chỉ nên sử dụng để tìm hiểu hành vi bạo lực đối với trẻ em trong nhà trường mầm non.

Đối với những nghiên cứu có sử dụng thang đo này trong tương lai, trước hết, chúng tôi đề xuất giữ lại 6 câu có hệ số tải > 0,3 (bảng 1) đã bị loại bỏ trong thang đo cuối cùng của nghiên cứu này nhằm kiểm tra lại xem có nhất quan với kết quả nghiên cứu của chúng tôi không, nếu không thì xem xét việc sử dụng để có thang đo toàn diện hơn. Với những nghiên cứu cho tương lai, chúng tôi đề xuất xây dựng các thang đo đánh giá hành vi bạo lực của giáo viên ở các bậc học, lớp học lớn tuổi hơn, ví dụ học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông,... Mỗi lứa tuổi và nhóm người lại có những hình thức, hành vi bạo lực khác nhau, mức độ và độ ảnh hưởng khác nhau. Trong các nghiên cứu cũng cần kết hợp các thang đo bổ trợ khác nhằm đánh giá nguyên nhân, hậu quả và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi bạo lực một cách toàn diện.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Điều lệ trường mầm non*, Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 7/4/2008.
2. Trần Văn Công (2014), “Xây dựng thang đo nạn nhân bắt nạt cho trẻ em Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc*, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.
3. Trần Thị Minh Đức (2009), *Hành vi gây hấn phân tích từ góc độ tâm lý học xã hội*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. *Luật phòng chống bạo lực gia đình*, Nxb Lao động Xã hội.
5. *Luật chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em* (2006), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Lê Thị Phương Mai (1997), *Báo cáo nghiên cứu bạo lực và hậu quả đối với sức khỏe sinh sản. Hiện trạng của Việt Nam*.
7. Lê Thị Phương Mai (2005), *Giới, bạo lực giới: Nhân viên y tế có thể giúp gì cho nạn nhân của bạo lực giới*.
8. Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh (2009), *Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: Thực trạng, diễn tiến và nguyên nhân*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Hữu Minh (2006), *Bạo lực giới đối với phụ nữ: Phân tích định lượng các cuộc điều tra lớn gần đây* (SAVY,NHTG,BĐG), Hà Nội.
10. Tăng Phương Tuyết (2011), “Biện pháp nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ và hành vi của phụ huynh về bạo lực trẻ em trong gia đình ở tỉnh Bình Dương”, Luận văn thạc sĩ, ĐHSP Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Thắm (2010), “Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em bị ảnh hưởng của bạo lực gia đình”, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
12. Hoàng Bá Thịnh (2007), “Bạo lực gia đình với trẻ em và giải pháp phòng ngừa”, Tạp chí *Tâm lý học* (số 6/2007), tr 34 – 35.
13. Hoàng Bá Thịnh (2005), *Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ*, Nxb Thế giới, Hà Nội.